

Bản án số: 12/2024/HS-ST

Ngày: 10-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Tuyết

Ông Phạm Hiến

Ông Nguyễn Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2023/HSST ngày 05 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Nhật H**, sinh năm 1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: Số B, N, phường D, quận C, TP.; Nơi cư trú: Chung cư M, đường số A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang L (đã chết) và bà Đỗ Thị Thanh T; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Anh T1, sinh năm 1986 và 03 người con lớn nhất sinh 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Nhật H: Ông Võ Đan M, sinh năm 1983 là Luật sư của Công ty L1; địa chỉ: G N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Nhật K, sinh năm 1981; Nơi thường trú: Số B, N, phường D, quận C, TP .; Nơi cư trú: Số F, đường A, khu N, đường N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà Trần Thị Y, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trịnh Anh M1, sinh năm 1960 (có mặt)

2. Ông Ngô Văn D, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH S (Công ty S) được thành lập, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/10/2004 do ông Lê Quang L, SN 1945, HKTT tại: Số B, N, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh làm Giám đốc, chuyên kinh doanh mua bán, sản xuất chế biến Hạt điều. Đến năm 2010, ông L mắc bệnh hiểm nghèo không đủ khả năng điều hành Công ty nên đã làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2, ngày 06/7/2010 giao lại cho con trai là Lê Nhật H làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty S. Đồng thời để phù hợp với loại hình Công ty TNHH H1 lên, ông L đưa thêm vợ là bà Đỗ Thị Thanh T, SN 1956, HKTT: số 67B, Cư Xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và con trai là Lê Nhật K, SN 1981, Nơi ở hiện tại: Số F, đường A, khu N, đường N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên làm thành viên góp vốn để hợp thức, còn thực tế bà T và ông K không bỏ tiền góp vốn vào Công ty. Từ năm 2010, Lê Nhật H điều hành Công ty kinh doanh mua bán Hạt điều trong nước và giao cho Lê Nhật K phụ giúp trông coi, vận hành máy móc, dây chuyền khu vực sản xuất tách chế nhân hạt điều. Đồng thời H bổ nhiệm K làm Phó Giám đốc để thay mặt H ký các giấy tờ, chứng từ liên quan khi H không có mặt ở Công ty. Còn bà T thì không tham gia quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Đến năm 2013, H tìm hiểu và nhận thấy việc kinh doanh nhập khẩu Hạt điều từ nước ngoài về Việt Nam theo loại hình nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được ưu đãi về thuế, doanh nghiệp đóng chỉ 5% thuế nhập khẩu và sau khi sản xuất ra điều nhân thành phẩm xuất khẩu ra nước ngoài sẽ được hoàn lại số tiền thuế đã nộp, đồng thời doanh nghiệp có thể xin chậm nộp thuế nhập khẩu trong vòng 275 ngày. Nhận thấy chính sách ưu đãi có lợi cho doanh nghiệp, đồng thời Công ty S có đủ điều kiện để thực hiện việc nhập khẩu hạt điều từ nước ngoài về Việt Nam để sản xuất xuất khẩu nên H quyết

định mở rộng hoạt động kinh doanh theo loại hình này. Do đó H làm thủ tục đăng ký với Chi cục Hải quan C để thực hiện loại hình nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu. Đồng thời H thông qua môi giới để mua hạt điều thô từ nước ngoài, nhập khẩu vào Việt Nam. Theo đó, khi cần mua hạt điều thô nhập khẩu H sẽ chủ động liên lạc với người môi giới để đặt hàng. Khi có Hạt điều người môi giới sẽ báo lại giá bán cho H biết, nếu thấy giá cả hợp lý H sẽ đồng ý ký hợp đồng mua. Hợp đồng mua bán do phía đối tác soạn thảo, các điều khoản, thỏa thuận trong hợp đồng đều thông qua môi giới chứ H không làm việc trực tiếp với đối tác bán Hạt điều. Sau khi thống nhất ký hợp đồng xong Ngân hàng sẽ làm trung gian thanh toán, H chuyển tiền Việt Nam đồng vào Ngân hàng để Ngân hàng Q ra đô la Mỹ (USD) và thanh toán cho đối tác, đồng thời phía đối tác khi nhận tiền sẽ giao lại cho H toàn bộ chứng từ liên quan đến lô hạt điều gồm: Hợp đồng mua bán, hóa đơn, BiLL tàu.... Sau khi có hồ sơ mua bán hàng hoá (hạt điều thô). H ký các văn bản như: Đề nghị kiểm dịch thực vật, văn bản đưa hàng hoá về bảo quản sản xuất và thuê người làm dịch vụ khai báo hải quan tiến hành nộp các thủ tục để được thông quan hàng hóa.

Trong thời gian từ ngày 21/5/2013 đến ngày 18/2/2014 Lê Nhật H sử dụng pháp nhân Công ty S mở 08 tờ khai nhập khẩu Hạt điều theo loại hình nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, xuất khẩu, có mã ký hiệu NSX01. Đến ngày 31/3/2014, T2 có công văn số: 3283/TCHQ-GSQL về việc thực hiện thống nhất khai báo đối với mã loại hình trên hệ thống VNACCS (Khai báo Hải quan điện tử), theo đó mã loại hình nhập khẩu để sản xuất, xuất khẩu được đổi thành ký hiệu là E31. Sau đó Lê Nhật H tiếp tục sử dụng pháp nhân Công ty S mở 51 tờ khai Hải quan để nhập khẩu Hạt điều thô nguyên liệu theo loại hình E31. Tính từ ngày 21/5/2013 đến ngày 01/8/2016 Công ty S mở được 59 tờ khai, nhập khẩu tổng cộng 11.601.991,00 kg Hạt điều thô. Sau đó, do số lượng thực nhập không khớp với các tờ khai nên Công ty xin điều chỉnh giảm số lượng 191.685kg Hạt điều thô, và chuyển đổi số lượng 55.451 Kg. Do đó, số Hạt điều thô nhập khẩu E31 của Công ty S tổng cộng thời điểm này là: 11.354.855 Kg. Trong đó có 4.637.128 Kg Hạt điều thô được áp dụng hình thức ân hạn thuế theo quy định tại Khoản 1, Điều 38 Nghị định số: 83/2013/NĐ-CP. Đến ngày 31/8/2016 Bộ T3 có văn bản số: 12166/BTC-TCHQ, trong đó không áp dụng hình thức ân hạn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu (E31) nữa mà áp dụng chính sách miễn thuế nhập khẩu nên H sử dụng pháp nhân Công ty S mở 22 tờ khai để chuyển đổi loại hình ân hạn thuế sang loại hình miễn thuế đối với 4.637.128 Kg Hạt điều thô đang tồn kho nhập khẩu trước đó.

Sau đó từ tháng 8/2016 đến tháng 12/2018 Công ty S tiếp tục mở thêm 62 tờ khai E31 để nhập khẩu 14.572.341Kg Hạt điều thô. Sau khi hạt điều thô nhập về số lượng thực tế giảm 35.064 Kg, so với tờ khai nên Công ty S xin điều chỉnh

lại, đồng thời xin điều chỉnh thất thoát tiêu hao 146.004,8kg hạt điều thô nguyên liệu, do đó tổng số Hạt điều Công ty S nhập khẩu theo loại hình E31 giai đoạn này là 14.391.272,2 Kg.

Tổng cộng, Lê Nhật H đã sử dụng pháp nhân Công ty S mở 121 tờ khai Hải quan nhập khẩu tổng cộng 25.764.127,2 Kg Hạt điều thô, theo loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất, xuất khẩu. Công ty đăng ký định mức 05kg hạt điều thô sản xuất ra 01 kg nhân hạt điều xuất khẩu. Sau khi nhập khẩu H đưa vào sản xuất và xuất khẩu theo loại hình E62 được 2.332.411,09 Kg Hạt điều nhân tương đương 11.662.055,45 Kg Hạt điều thô nguyên liệu. Để có tiền nhập khẩu hạt điều, H thế chấp toàn bộ tài sản nhà đất, kho xưởng của gia đình và vay mượn của nhiều cá nhân với số tiền: nợ ngân hàng Á 140.898.484.000đ; nợ ngân hàng T4 89.508.724.605đ; nợ ngân hàng M2 99.913.862.500đ; nợ ngân hàng B1 200.000.000.000đ.

Đến cuối năm 2017, số hạt điều nhập khẩu còn tồn kho là 14.102.071,75 Kg (theo đơn giá bình quân mua vào khi nhập khẩu là 537.023.451.670,27 đồng). Trong đó, H sử dụng 113.573 kg thế chấp cho Ngân hàng T5 chi nhánh H2 để vay vốn theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 240/2017/HDBD/HMN/01, ngày 19/12/2017. Đến tháng 3/2018 H bán 113.573 kg thế đang chấp, có sự giám sát của Ngân hàng để thanh toán số nợ đã vay cho ngân hàng. H bán số hạt điều còn lại cho nhiều người mua (không xác định được ai mua, chỉ nhớ có bán cho bà Trần Thị Y, SN 1964, HKTT: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước với số lượng 113.573 kg Hạt điều thu được số tiền 3.975.055.000 đồng). Còn lại 13.988.498,75 Kg Hạt điều thô H cho sản xuất lấy nhân, nhưng do chất lượng điều giảm, bị hư hỏng nhiều, không đủ điều kiện xuất khẩu, nếu để lâu thì giá trị lô hàng bị giảm, mất giá. Thời điểm này đến hạn phải trả nợ cho các khoản vay mua hạt điều nhập khẩu nên H phải bán số nhân điều này trong nội địa cho nhiều cá nhân (không rõ nhân thân lai lịch). Toàn bộ số tiền thu được H dùng để trả nợ vay Ngân hàng và nợ vay của các cá nhân bên ngoài. Việc thỏa thuận bán cho những người mua, H nói là số hạt điều trên được nhập khẩu hợp pháp nhưng không nói cụ thể nhập theo loại hình nào.

Đến ngày 07/12/2018 Cục Hải quan tỉnh B ra Quyết định số 398/QĐ-HQBP về việc kiểm tra tình hình sử dụng tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và hàng hóa xuất khẩu tại trụ sở Công ty S. Qua kiểm tra đối chiếu thực tế tại Công ty xác định: Số lượng đang còn tồn thực tế tại kho của Công ty S là 159.752 kg hạt điều nhân thành phẩm, tương đương 798.760 kg hạt điều thô nguyên liệu. Đối chiếu với số lượng xuất nhập khẩu xác định số lượng hạt điều thô nguyên liệu tồn kho thực tế chênh lệch thiếu so với tồn trên hồ sơ khai báo hải quan là 13.285.311,80 kg. Tuy nhiên sau khi Cơ quan Hải quan kiểm tra xong, do cần tiền để trả nợ nên H tiếp tục bán 159.752 kg hạt điều nhân thành

phẩm tồn kho (Tương đương 798.760 kg hạt điều thô nguyên liệu) tiêu thụ trong nội địa để trả cho các khoản vay trước đó. Khi bán số Hạt điều trên H không xuất hóa đơn chứng từ, không ghi sổ sách theo dõi nên không chứng minh được người mua.

Như vậy, Lê Nhật H đã có hành vi tự ý chuyển tiêu thụ nội địa đối với 14.084.071,75 Kg Hạt điều thô được nhập khẩu theo loại hình nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, xuất khẩu để chi trả cho các khoản vay nợ khi mua hàng. Đối với số hạt điều H bán tiêu thụ trong nước cho nhiều cá nhân trong khoảng thời gian dài đến nay không có khả năng thu hồi số hạt điều này.

Theo như trình bày của H thì số tiền bán số hạt điều này được 66.836.485.000đ, gồm: 500.000kg điều loại 1 (thu hồi 33) (trong đó có 113.573kg bán cho bà Y) với đơn giá 35.000đ/kg, được số tiền 17.500.000.000 đồng; 2.189.451kg loại 2 (thu hồi 22,23) bán giá 14.000đ/kg được số tiền 30.652.314.000đ; 807.950kg hạt điều loại 3 (thu hồi 18,19) giá bán 10.000đ/kg được số tiền 8.079.500.000đ; 10.604.670kg hạt điều loại 4 (nhân đã bị hư hỏng, phế, mọc mầm, chỉ bán theo giá vỏ hạt) với giá 1.000đ/kg thu được số tiền 10.604.670.000đ. Số tiền này H dùng để trả cho các khoản nợ: Trả cho ngân hàng T4 24.551.000.000đ; trả cho ngân hàng A số tiền 23.600.000.000đ; trả cho Ngân hàng M2 số tiền 8.079.000.000đ; trả cho Ngân hàng B1 số tiền 10.606.485.000đ. Công ty S còn nợ 04 Ngân hàng này số tiền 315.597.476.574đ.

Cáo trạng số 57/CT-VKSBP-P1 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Lê Nhật H về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Nhật H phạm tội “Buôn lậu”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Nhật H mức án từ 07 năm đến 08 năm tù;

Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Nhật H: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

- Bị cáo Lê Nhật H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một phần do không hiểu biết về chính sách pháp luật về xuất nhập khẩu. Khi được nói lời sau cùng bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo một mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Nhật H khai nhận đã thực hiện các hành vi xuất nhập hàng hóa và tiêu thụ hàng hóa là hạt điều như Bản cáo trạng đã xác định, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Để được phép nhập khẩu hạt điều thô theo loại hình sản xuất, xuất khẩu (E31), bị cáo phải chứng minh cho Cơ quan Hải quan về việc bị cáo phải có cơ sở sản xuất, chế biến, nhà kho đảm bảo đúng quy định; phải được cơ quan Hải quan kiểm tra, kết luận đảm bảo mới được phép nhập khẩu. Khi được nhập khẩu, bị cáo phải cam đoan bằng văn bản với cơ quan Hải quan về việc “*Kho bãi bảo quản hàng hóa có tường rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài để bảo quản an toàn hàng hóa; có giấy tờ hợp pháp sử dụng kho, bãi, chịu trách nhiệm bảo quản đầy đủ hàng hóa và không tự ý sử dụng, tiêu thụ hàng hóa đến khi được cơ quan hải quan thông quan*”... Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải nhận thức và hiểu rõ những quy định của pháp luật về xuất nhập khẩu, không cho phép tự ý chuyển số hạt Điều nhập khẩu theo loại hình sản xuất, xuất khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan Hải quan để tiêu thụ nội địa. Khi chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa là hạt điều thô chưa bóc vỏ, bị cáo chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với tờ khai hải quan mới và phải là loại hàng hoá được phép cho tiêu thụ nội địa hay chuyển đổi mục đích sử dụng. Hạt điều thô nhập khẩu có nguồn gốc từ các nước Tanzania(TZ), G (GH), N (NG), G1 (GM),

B(BJ), Côte d'Ivoire(CI), Burkina Faso(BF), Singapore(SG), UAE, Hong Kong(HK), không thuộc danh mục 46 nước được phép xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc thực vật vào Việt Nam và số hạt điều này chưa được kiểm định an toàn thực phẩm, nên không thể được phép tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Thực tế bị cáo H đã sản xuất, xuất khẩu phần lớn số hạt điều đã nhập khẩu theo quy định và cam kết với Cơ quan Hải quan. Nhưng vì một phần không hiểu hết quy định của pháp luật hình sự tương ứng với hành vi vi phạm pháp luật hải quan về xuất nhập khẩu; lại đến hạn trả nợ nhưng không có tiền; số hạt điều bị hư hỏng, kém chất lượng, suy giảm giá trị, không thể xuất khẩu ra nước ngoài được nên bị cáo H đã không báo cáo, xin phép Cơ quan Hải quan mà tự ý bán tiêu thụ số hạt điều 14.084.071,75 Kg đã nhập khẩu theo loại hình E31 còn tồn kho không xuất khẩu được vào thị trường nội địa, thu được số tiền 66.836.485.000 đồng, dùng trả hết cho các khoản nợ đến hạn (gồm nợ các Ngân hàng, nợ tiền công nhân, nợ tiền vay của các cá nhân mà bị cáo H đã dùng để mua, nhập khẩu số hạt điều nêu trên).

[3] Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị cáo Lê Nhật H phạm tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là BLHS). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của các cơ quan chức năng, đã vi phạm các quy định của pháp luật về buôn bán hàng hóa qua biên giới, xâm phạm đến pháp luật về xuất nhập khẩu hàng hóa của Nhà nước. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có học vấn và có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh hạt điều, nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 500.000.000 đồng để khắc phục cho Ngân sách Nhà nước đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp

nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và tương ứng với tính chất mức độ, hậu quả mà bị cáo phạm tội và phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đang còn phải truy thu số tiền lớn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Số lượng hạt điều nhập khẩu từ năm 2013 đến năm 2016, bị cáo H đã đóng số tiền thuế nhập khẩu là 4.488.714.853 đồng. Bị cáo H đã xuất khẩu và được hoàn lại số tiền thuế là 3.672.503.546 đồng. Số tiền thuế bị cáo H đã nộp chưa làm thủ tục hoàn thuế còn lại trong tài khoản nộp thuế Nhà nước số 7111 của Chi cục Hải quan C mở tại Kho bạc Nhà nước huyện C (nay là thị xã C) là 816.221.307 đồng. Số tiền này được quản thủ để khấu trừ vào số tiền phải truy thu giá trị hàng hoá bán trái phép từ hành vi buôn lậu để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với ông Lê Quang L: là bố của bị cáo Lê Nhật H làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, ông L đã chết do bệnh năm 2022, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với bà Đỗ Thị Thanh T: Việc bà T có tên là thành viên góp vốn trong Công ty S là do ông L đưa tên bà T vào để hợp thức cho đủ thành viên nhằm phù hợp với loại hình Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Thực tế bà T không có góp vốn và cũng không tham gia vào hoạt động của Công ty S, không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Nhật H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Lê Nhật K: Mặc dù có chức danh làm Phó Giám đốc trong Công ty S, tuy nhiên công việc Khoa làm là phụ trách máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất. Toàn bộ hoạt động mua bán, xuất nhập khẩu của Công ty S đều do Lê Nhật H điều hành, quyết định. Việc H nhập khẩu nguyên liệu hạt điều theo loại hình E31 sau đó chuyển bán tiêu thụ nội địa H không bàn bạc hay thoả thuận, trao đổi gì với Lê Nhật K. Khi nhờ K ký hợp đồng mua bán hạt điều với bà Trần Thị Y, H không nói cho K biết là số hạt điều nêu trên không được phép bán tiêu thụ nội địa. Bản thân K không có ý chí cùng thực hiện tội phạm với Lê Nhật H. nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý.

- Đối với bà Trần Thị Y: khi mua số hạt điều này bà Y không biết về số hạt điều H bán được nhập khẩu theo hình thức nhập khẩu nào, có được phép mua bán trong nước hay không. Khi thực hiện việc mua bán H có cho làm hợp đồng ghi nhận cụ thể, không tranh chấp, nên từ đó bà Y an tâm là số hạt điều được mua bán hợp pháp. Bản thân bà Y cũng không hiểu biết gì về loại hình nhập khẩu nguyên liệu hạt điều để sản xuất, xuất khẩu là không được phép chuyển tiêu thụ nội địa. Nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với bà Y. Tuy nhiên, hành vi mua hàng hoá không có hóa đơn, chứng từ nêu trên của bà Y có dấu

hiệu vi phạm hành chính về thuế, Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Chi cục Thuế khu vực P xác minh làm rõ xử lý theo quy định.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 14.102.071,75kg hạt điều thô tính theo giá bình quân khi nhập khẩu là 537.023.451.670 đồng. Tuy nhiên, để theo thời gian, chất lượng giảm sút, hạt điều bị hư hỏng nhiều, nên thực tế khi Lê Nhật H bán ra thị trường nội địa với mức giá bán rẻ hơn nhiều so với giá nhập khẩu nên bị lỗ, không được hưởng lợi. Đồng thời tại thời điểm nhập khẩu bị cáo chưa có ý định buôn lậu, bị cáo chỉ phạm tội buôn lậu tại thời điểm bán ra thị trường nội địa số hạt điều này, nên giá trị hàng hoá buôn lậu được tính theo giá trị hàng hoá khi bán ra. Do số hạt điều đã nhập khẩu trong thời gian dài trước đó (từ 2016 đến 2018), chất lượng bị giảm sút, nên giá giảm nhiều; số hạt điều này không thu hồi được (đến nay nếu số hạt điều này có còn để thu hồi thì cũng đã hư hỏng hoàn toàn không còn giá trị) nên không trưng cầu định giá được. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo xác định giá trị hàng hoá buôn lậu bằng với số tiền thu được từ việc bán số lượng hạt điều tại thời điểm phạm tội là 66.836.485.000đ. Đây là giá trị tài sản phạm pháp nên phải truy thu từ bị cáo H để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ đi số tiền 500.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp và số tiền thuế bị cáo H đã nộp chưa làm thủ tục hoàn thuế còn lại trong tài khoản nộp thuế Nhà nước số 7111 của Chi cục Hải quan C mở tại Kho bạc Nhà nước huyện C (nay là thị xã C) là 816.221.307 đồng. Số tiền còn lại bị cáo phải nộp là 65.520.263.693 đồng

Tài liệu lưu kèm theo hồ sơ vụ án: 143 bộ hồ sơ tờ khai nhập khẩu theo loại hình sản xuất, xuất khẩu và 148 bộ hồ sơ xuất khẩu E62 của Công ty S (do Chi cục Hải quan C cung cấp), là chứng cứ được lưu trong hồ sơ vụ án.

- 01 (một) dấu mộc tròn của Công ty TNHH S do Lê Nhật H tự nguyện giao nộp. Đây là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH S nên cần tuyên trả lại cho Công ty TNHH S

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Nhật H có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Nhật H phạm tội “Buôn lậu”;
2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Nhật H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, tuyên:

Truy thu từ bị cáo Lê Nhật H số tiền 66.836.485.000 đồng (sáu mươi sáu tỷ, tám trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước được trừ đi số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) mà bị cáo đã nộp và số tiền thuế bị cáo H đã nộp chưa làm thủ tục hoàn thuế còn lại trong tài khoản nộp thuế Nhà nước số 7111 của Chi cục Hải quan C mở tại Kho bạc Nhà nước huyện C (nay là thị xã C) là 816.221.307 đồng. Số tiền còn lại mà bị cáo H còn phải nộp là 65.520.263.693 đồng (Sáu mươi lăm tỷ, năm trăm hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng).

Lưu theo hồ sơ vụ án: 143 bộ hồ sơ tờ khai nhập khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu và 148 bộ hồ sơ xuất khẩu E62 của Công ty S (do Chi cục Hải quan C cung cấp), là chứng cứ được lưu trong hồ sơ vụ án.

Trả lại cho Công ty TNHH S (một) dấu mộc tròn

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Nhật H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

6. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại TP.HCM; (2)
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQCSĐT - Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước; (1)
- Người tham gia tố tụng;
- THCTP; Lưu Hồ sơ. (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Quang Ninh

